

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 07/9/2022.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 203/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **N.K.H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: tổ 7, ấp T, xã TL, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: Anh **Đ.V.G**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: số , ấp HT, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị N.K.H trình bày như sau: Chị và anh Đ.V.G kết hôn với nhau năm 2013, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có

tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 04/3/2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh G thường xuyên ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng trong cuộc sống. Thời gian qua, chị đã nhiều lần tha thứ, tạo cơ hội cho anh G có thời gian để sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Quá trình chung sống với anh G, tâm lý của chị bị hành hạ nặng nề. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2022 tới nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G; Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Đ1, sinh ngày 02/10/2013 và Đ2, sinh ngày 25/02/2017, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đ.V.G trình bày như sau:* Anh và vợ N.K.H kết hôn với nhau năm 2013, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành ngày 04/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có qua lại với người phụ nữ khác và chị H biết được nên sau đó vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Tuy hiện giờ anh không còn qua lại với người phụ nữ đó nữa, lo làm ăn chăm sóc vợ con nhưng chị H vẫn không tin tưởng. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2022 đến nay. Vì còn thương vợ, thương con nên anh yêu cầu được đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn; Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Đ1, sinh ngày 02/10/2013 và Đ2, sinh ngày 25/02/2017, hiện nay đang sống với chị H. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh G tham gia phiên tòa nhưng anh G vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng

xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: chị H được ly hôn với anh G. Về con chung: Giao cháu Đ1 và Đ2 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không xem xét. Chị H yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Đ.V.G (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị H và anh G kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 04/3/2013 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng chị H và anh G phát sinh mâu thuẫn, chị H xin ly hôn nên Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa chị H và anh G thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Chị H trình bày do anh G thường xuyên ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Thời gian qua Tòa án đã tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng anh chị cũng không gặp nhau để trao đổi, bàn bạc tìm ra biện pháp hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và anh chị cũng không nhờ

người thân hòa giải cho vợ chồng hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn kiên quyết ly hôn với anh G.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh G đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại và một bên đã không còn tình cảm, không muốn sống chung lại nữa, mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng phía chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là được ly hôn với anh G.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Đ1, sinh ngày 02/10/2013 và Đ2, sinh ngày 25/02/2017. Xét thấy, hiện nay 02 cháu Được và cháu Bảo đang sống với chị H và cháu Đ1 cũng có nguyện vọng được sống với H. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Đ1 và cháu Đ2, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Đ1 và cháu Đ2 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị H phải tạo điều kiện cho anh G được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: anh G và chị H thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 27, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.K.H.

- Về hôn nhân: Chị N.K.H được ly hôn với anh Đ.V.G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18/2013, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 04/3/2013 không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Đ1 và Đ2 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

Chị H phải tạo điều kiện cho anh G được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh G và chị H thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này giữa chị H và anh G có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Chị N.K.H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009070 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân